

ĐỀ CHÍNH THỨC
(Đề có 4 trang)

Môn: Địa lí

Thời gian làm bài: 45 phút (không kể thời gian phát đề)

Họ tên thí sinh:Số báo danh:

Mã đề thi 101

PHẦN I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 15. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án.

Câu 1: Lãnh thổ Việt Nam là một khối thống nhất và toàn vẹn, bao gồm:

- A. vùng đất, vùng biển và các quần đảo. B. đất liền và Biển Đông.
C. đất liền và các đảo ven bờ. D. vùng đất, vùng biển và vùng trời.

Câu 2: Tài nguyên khoáng sản của nước ta đa dạng là do

- A. các vận động tạo núi diễn ra liên tục ở giai đoạn Tân kiến tạo.
B. nằm trong “vành đai lửa” Thái Bình Dương.
C. khí hậu ngày càng lạnh dẫn đến quá trình hoá thạch diễn ra nhanh chóng.
D. liền kề hai vành đai sinh khoáng lớn là Thái Bình Dương và Địa Trung Hải.

Câu 3: Đặc điểm nào sau đây đúng với địa hình của miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ?

- A. Đồi và núi thấp là chủ yếu, núi có hướng tây – đông.
B. Đồi núi thấp và đồng bằng là chủ yếu, núi có hướng vòng cung.
C. Núi cao là chủ yếu, núi có hướng tây bắc – đông nam.
D. Đồng bằng là chủ yếu, chỉ có một số núi sót.

Câu 4: Sự phân hoá của thiên nhiên nước ta theo chiều Bắc – Nam là do

- A. ảnh hưởng của dãy Trường Sơn.
B. hoạt động của Tín phong.
C. gió mùa kết hợp với lãnh thổ trải dài trên nhiều vĩ tuyến.
D. sự đa dạng của địa hình.

Câu 5: Tác động lớn nhất của quá trình đô thị hóa tới nền kinh tế nước ta là

- A. lan tỏa rộng rãi lối sống thành thị tới khu vực nông thôn.
B. tạo thêm nhiều cơ hội việc làm cho người lao động.
C. tạo ra thị trường có sức mua lớn và mở rộng liên tục.
D. thúc đẩy tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

Câu 6: Biểu hiện nào sau đây **không** đúng với suy giảm tài nguyên nước ở nước ta?

- A. Nguồn nước ngầm bị hạ thấp. B. Nguồn nước mặt bị ô nhiễm.
C. Nhiều nơi thiếu nước ngọt. D. Nhu cầu sử dụng nước giảm.

Câu 7: Nhận định nào sau đây đúng với chất lượng lao động của nước ta?

- A. Phần lớn lao động có trình độ cao đang trở lên.
B. Lao động nước ta đều chưa qua đào tạo.
C. Lao động đã qua đào tạo ngày càng ít.
D. Chất lượng lao động ngày càng được nâng cao.

Câu 8: Cơ cấu lao động phân theo thành phần kinh tế của nước ta đang chuyển dịch theo xu hướng nào sau đây?

- A. Giảm tỉ trọng lao động khu vực kinh tế Nhà nước và kinh tế ngoài Nhà nước, tăng tỉ trọng lao động có vốn đầu tư nước ngoài.
- B. Giảm tỉ trọng lao động khu vực kinh tế Nhà nước, tăng tỉ trọng lao động khu vực kinh tế ngoài Nhà nước và khu vực có vốn đầu tư nước ngoài.
- C. Tăng tỉ trọng lao động khu vực kinh tế Nhà nước và kinh tế ngoài Nhà nước, giảm tỉ trọng lao động có vốn đầu tư nước ngoài.
- D. Giảm tỉ trọng lao động ở cả ba thành phần kinh tế.

Câu 9: Biểu hiện tính nhiệt đới ẩm gió mùa qua sông ngòi nước ta là

- A. nhiều sông lớn, chế độ nước khá điều hoà trong năm.
- B. mật độ sông dày đặc, độ dốc lòng sông lớn, dòng chảy xiết.
- C. sông nhiều nước và lên xuống thất thường.
- D. mật độ sông lớn; sông nhiều nước, nhiều phù sa và có sự phân mùa.

Câu 10: Nhận định nào sau đây đúng với đặc điểm dân số nước ta?

- A. Gia tăng dân số thấp, quy mô dân số giảm mạnh.
- B. Dân số đông, gia tăng dân số có chiều hướng giảm
- C. Gia tăng dân số và quy mô dân số đều giảm.
- D. Dân số tăng nhanh, gia tăng dân số rất cao.

Câu 11: Khí hậu Việt Nam mang tính chất nhiệt đới chủ yếu do

- A. nằm trong vùng nội chí tuyến bán cầu Bắc.
- B. có địa hình phân hóa rõ rệt.
- C. chịu ảnh hưởng của gió mùa đông xuất phát từ cao áp Xi-bia.
- D. tiếp giáp với biển Đông.

Câu 12: Đặc điểm nào sau đây **không** đúng với gió mùa đông bắc ở nước ta?

- A. Hoạt động từ tháng 5 đến tháng 10.
- B. Nguồn gốc từ áp cao Xibia, hướng gió Đông Bắc.
- C. Khi di chuyển xuống phía Nam gió bị suy yếu dần.
- D. Mang đến một mùa đông lạnh cho Miền Bắc nước ta.

Câu 13: Biểu hiện nào sau đây đúng với thiên nhiên ở đai nhiệt đới gió mùa?

- A. Nhiệt độ thấp dưới 15 °C, đất mùn thô, sinh vật ôn đới đa dạng.
- B. Nhiệt độ cao, đất mùn thô, sinh vật nhiệt đới đa dạng.
- C. Nhiệt độ cao, đất fe-ra-lit và đất phù sa, sinh vật nhiệt đới đa dạng.
- D. Khí hậu mát mẻ, đất fe-ra-lit có mùn, rừng lá kim.

Câu 14: Đặc điểm nào sau đây đúng với sự phân hóa thiên nhiên theo Đông Tây ở nước ta?

- A. Dãy Hoàng Liên Sơn tạo nên sự khác biệt giữa vùng núi Đông Bắc và Tây Bắc.
- B. khí hậu ở đai ôn đới gió mùa có tính chất ôn đới.
- C. Phần lãnh thổ phía Bắc có khí hậu nhiệt đới gió mùa có mùa đông lạnh.
- D. Đai nhiệt đới gió mùa có độ cao dưới 600 - 700m ở miền Bắc và 900 - 1000m ở miền Nam.

Câu 15: Do quy mô dân số đông nên nước ta có

- A. nhiều dân tộc khác nhau.
- B. sự già hóa dân số nhanh.
- C. nguồn lao động dồi dào.
- D. chất lượng lao động tăng.

PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu 1: Cho thông tin sau: “Việt Nam nằm gần trung tâm khu vực Đông Nam Á. Trên đất liền, điểm cực Bắc nước ta ở $23^{\circ}23'B$, cực Nam ở $8^{\circ}34'B$, cực Tây ở $102^{\circ}09'D$ và cực Đông ở $109^{\circ}28'D$. Vùng biển nước ta kéo dài tới khoảng vĩ độ $6^{\circ}50'B$ và từ kinh độ $101^{\circ}Đ$ đến khoảng kinh độ $117^{\circ}20'Đ$ ”.

Đọc đoạn thông tin trên, chọn đúng hoặc sai cho mỗi ý a), b), c), d) sau đây

- a) Lãnh thổ phần đất liền nước ta kéo dài khoảng 15 vĩ độ.
- b) Nước ta nằm hoàn toàn trong vùng nội chí tuyến bán cầu Bắc.
- c) Nhờ vị trí địa lí nên nước ta ít chịu ảnh hưởng của thiên tai và biến đổi khí hậu.
- d) Nước ta thường xuyên chịu ảnh hưởng của gió mùa châu Á và Tín phong.

Câu 2: Cho bảng số liệu:

SỐ LƯỢNG ĐÔ THỊ VÀ SỐ DÂN ĐÔ THỊ THEO VÙNG CỦA NƯỚC TA NĂM 2021

Vùng	Số lượng đô thị (đô thị)	Số dân đô thị (triệu người)
Trung du và miền núi Bắc Bộ	158	2,7
Đồng bằng sông Hồng	140	8,7
Bắc Trung Bộ và Duyên Hải Nam Trung Bộ	181	6,7
Tây Nguyên	60	1,7
Đông Nam Bộ	56	12,2
Đồng bằng sông Cửu Long	154	4,6
Cả nước	749	36,6

(Nguồn: Niên giám thống kê năm 2022)

Dựa vào bảng số liệu trên, chọn đúng hoặc sai cho mỗi ý a), b), c), d) sau đây

- a) Mạng lưới đô thị phân bố không đều.
- b) Vùng có kinh tế phát triển nhất có nhiều đô thị nhất.
- c) Số dân đô thị của các vùng khá đồng đều.
- d) Tỷ lệ dân thành thị ở nước ta có sự chênh lệch giữa các vùng.

Câu 3: Cho thông tin sau: “Từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau, miền Bắc nước ta chịu tác động của gió mùa Đông Bắc. Nửa đầu mùa đông, miền Bắc có thời tiết lạnh khô, nửa sau mùa đông có thời tiết lạnh ẩm, có mưa phùn ở vùng ven biển và các đồng bằng ở Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ. Từ $16^{\circ}B$ trở vào Nam, khối khí lạnh đã bị suy yếu nên Tín phong bán cầu Bắc chiếm ưu thế.”

Đọc đoạn thông tin trên, chọn đúng hoặc sai cho mỗi ý a), b), c), d) sau đây

- a) Hoạt động của gió mùa Đông Bắc đã làm cho miền Bắc có một mùa đông lạnh.
- b) Gió mùa Đông Bắc bị biến tính khi đi qua biển nên gây mưa phùn vào cuối mùa đông ở vùng ven biển và các đồng bằng ở Bắc Bộ, Bắc Trung Bộ.
- c) Tín phong bán cầu Bắc là nguyên nhân chính tạo nên mùa khô ở Nam Bộ và Tây Nguyên.
- d) Gió mùa Đông Bắc là nguyên nhân tạo nên mùa khô cho cả nước.

Câu 4: Cho bảng số liệu:

SỐ DÂN VÀ TỈ LỆ GIA TĂNG DÂN SỐ TỰ NHIÊN CỦA NƯỚC TA GIAI ĐOẠN 1960 – 2021

Năm	1960	1979	1999	2009	2014	2021
Tiêu chí						
Số dân (triệu người)	30,2	52,5	76,3	86,0	90,7	98,5
Tỉ lệ gia tăng dân số tự nhiên(%)	3,93	2,53	1,43	1,06	1,08	0,9

(Nguồn: Kết quả tổng điều tra dân số và nhà ở; Niên giám thống kê năm 2022)

Dựa vào bảng số liệu trên, chọn đúng hoặc sai cho mỗi ý **a), b), c), d)** sau đây

- a) Quy mô dân số nước ta ổn định.
- b) Quy mô dân số nước ta lớn.
- c) Từ năm 1999 đến năm 2021 tốc độ tăng dân số ngày càng nhanh, dẫn tới hiện tượng bùng nổ dân số.
- d) Biểu đồ kết hợp là dạng biểu đồ thích hợp nhất thể hiện số dân và tỉ lệ gia tăng dân số tự nhiên của nước ta giai đoạn 1960 – 2021.

PHẦN III. Câu trắc nghiệm trả lời ngắn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 6.

Câu 1: Năm 2021, diện tích đất tự nhiên của nước ta là 33 134,5 nghìn ha, số dân là 98,5 triệu người. Hãy cho biết mật độ dân số của nước ta năm 2021 là bao nhiêu người/km² (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị).

Câu 2: Năm 2021, diện tích đất tự nhiên của nước ta là 33 134,5 nghìn ha; diện tích rừng là 14,7 triệu ha. Cho biết tỉ lệ che phủ rừng của nước ta năm 2021 là bao nhiêu phần trăm (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị).

Câu 3: Cho bảng số liệu: Nhiệt độ trung bình các tháng trong năm 2022 tại Vinh (đơn vị: °C)

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Nhiệt độ	19,5	16,3	23,1	24,3	27,4	31,4	30,1	29,0	27,9	24,8	24,7	18,0

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam, năm 2022)

Căn cứ vào bảng số liệu, cho biết biên độ nhiệt độ năm tại Vinh năm 2022 là bao nhiêu °C (làm tròn kết quả đến một chữ số của phần thập phân).

Câu 4: Năm 2020, tỉ suất sinh thô của Việt Nam là 16,3 ‰ và tỉ suất tử thô là 6,06 ‰. Cho biết tỉ suất gia tăng dân số tự nhiên của nước ta năm 2020 là bao nhiêu phần trăm (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị).

Câu 5: Biết năm 2021 ở nước ta có số dân thành thị là 36,6 triệu người, tỉ lệ dân thành thị là 37,1 %. Cho biết số dân của nước ta năm 2021 là bao nhiêu triệu người (làm tròn kết quả đến một chữ số của phần thập phân).

Câu 6: Tại độ cao 500 m của Phan-xi-păng có nhiệt độ là 20 °C, cùng thời điểm và cùng sườn núi đón gió nhiệt độ ở độ cao 3 000 m là bao nhiêu °C? (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị).

----- **HẾT** -----

- Thí sinh không được sử dụng tài liệu;
- Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.

ĐỀ CHÍNH THỨC
(Đề có 4 trang)

Môn: Địa lí

Thời gian làm bài: 45 phút (không kể thời gian phát đề)

Họ tên thí sinh:Số báo danh:

Mã đề thi 102

PHẦN I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 15. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án.

Câu 1: Đặc điểm nào sau đây đúng với sự phân hóa thiên nhiên theo Đông Tây ở nước ta?

- A. khí hậu ở đai ôn đới gió mùa có tính chất ôn đới.
- B. Đai nhiệt đới gió mùa có độ cao dưới 600 - 700m ở miền Bắc và 900 - 1000m ở miền Nam.
- C. Phần lãnh thổ phía Bắc có khí hậu nhiệt đới gió mùa có mùa đông lạnh.
- D. Dãy Hoàng Liên Sơn tạo nên sự khác biệt giữa vùng núi Đông Bắc và Tây Bắc.

Câu 2: Đặc điểm nào sau đây đúng với địa hình của miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ?

- A. Đồi núi thấp và đồng bằng là chủ yếu, núi có hướng vòng cung.
- B. Đồi và núi thấp là chủ yếu, núi có hướng tây – đông.
- C. Đồng bằng là chủ yếu, chỉ có một số núi sót.
- D. Núi cao là chủ yếu, núi có hướng tây bắc – đông nam.

Câu 3: Nhận định nào sau đây đúng với chất lượng lao động của nước ta?

- A. Phần lớn lao động có trình độ cao đẳng trở lên.
- B. Lao động đã qua đào tạo ngày càng ít.
- C. Chất lượng lao động ngày càng được nâng cao.
- D. Lao động nước ta đều chưa qua đào tạo.

Câu 4: Tác động lớn nhất của quá trình đô thị hóa tới nền kinh tế nước ta là

- A. tạo ra thị trường có sức mua lớn và mở rộng liên tục.
- B. lan tỏa rộng rãi lối sống thành thị tới khu vực nông thôn.
- C. thúc đẩy tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế.
- D. tạo thêm nhiều cơ hội việc làm cho người lao động.

Câu 5: Biểu hiện nào sau đây đúng với thiên nhiên ở đai nhiệt đới gió mùa?

- A. Nhiệt độ cao, đất fe-ra-lit và đất phù sa, sinh vật nhiệt đới đa dạng.
- B. Nhiệt độ thấp dưới 15 °C, đất mùn thô, sinh vật ôn đới đa dạng.
- C. Nhiệt độ cao, đất mùn thô, sinh vật nhiệt đới đa dạng.
- D. Khí hậu mát mẻ, đất fe-ra-lit có mùn, rừng lá kim.

Câu 6: Biểu hiện tính nhiệt đới ẩm gió mùa qua sông ngòi nước ta là

- A. sông nhiều nước và lên xuống thất thường.
- B. nhiều sông lớn, chế độ nước khá điều hoà trong năm.
- C. mật độ sông dày đặc, độ dốc lòng sông lớn, dòng chảy xiết.
- D. mật độ sông lớn; sông nhiều nước, nhiều phù sa và có sự phân mùa.

Câu 7: Lãnh thổ Việt Nam là một khối thống nhất và toàn vẹn, bao gồm:

- A. đất liền và Biển Đông.
- B. vùng đất, vùng biển và vùng trời.
- C. đất liền và các đảo ven bờ.
- D. vùng đất, vùng biển và các quần đảo.

Câu 8: Do quy mô dân số đông nên nước ta có

- A. nguồn lao động dồi dào.
- B. sự già hóa dân số nhanh.
- C. nhiều dân tộc khác nhau.
- D. chất lượng lao động tăng.

Câu 9: Biểu hiện nào sau đây **không** đúng với suy giảm tài nguyên nước ở nước ta?

- A. Nhiều nơi thiếu nước ngọt.
- B. Nguồn nước mặt bị ô nhiễm.
- C. Nguồn nước ngầm bị hạ thấp.
- D. Nhu cầu sử dụng nước giảm.

Câu 10: Tài nguyên khoáng sản của nước ta đa dạng là do

- A. liền kề hai vành đai sinh khoáng lớn là Thái Bình Dương và Địa Trung Hải.
- B. các vận động tạo núi diễn ra liên tục ở giai đoạn Tân kiến tạo.
- C. nằm trong “vành đai lửa” Thái Bình Dương.
- D. khí hậu ngày càng lạnh dẫn đến quá trình hoá thạch diễn ra nhanh chóng.

Câu 11: Đặc điểm nào sau đây **không** đúng với gió mùa đông bắc ở nước ta?

- A. Khi di chuyển xuống phía Nam gió bị suy yếu dần.
- B. Mang đến một mùa đông lạnh cho Miền Bắc nước ta.
- C. Nguồn gốc từ áp cao Xibia, hướng gió Đông Bắc.
- D. Hoạt động từ tháng 5 đến tháng 10.

Câu 12: Khí hậu Việt Nam mang tính chất nhiệt đới chủ yếu do

- A. tiếp giáp với biển Đông.
- B. có địa hình phân hóa rõ rệt.
- C. chịu ảnh hưởng của gió mùa đông xuất phát từ cao áp Xi-bia.
- D. nằm trong vùng nội chí tuyến bán cầu Bắc.

Câu 13: Cơ cấu lao động phân theo thành phần kinh tế của nước ta đang chuyển dịch theo xu hướng nào sau đây?

- A. Tăng tỉ trọng lao động khu vực kinh tế Nhà nước và kinh tế ngoài Nhà nước, giảm tỉ trọng lao động có vốn đầu tư nước ngoài.
- B. Giảm tỉ trọng lao động ở cả ba thành phần kinh tế.
- C. Giảm tỉ trọng lao động khu vực kinh tế Nhà nước và kinh tế ngoài Nhà nước, tăng tỉ trọng lao động có vốn đầu tư nước ngoài.
- D. Giảm tỉ trọng lao động khu vực kinh tế Nhà nước, tăng tỉ trọng lao động khu vực kinh tế ngoài Nhà nước và khu vực có vốn đầu tư nước ngoài.

Câu 14: Nhận định nào sau đây đúng với đặc điểm dân số nước ta?

- A. Dân số đông, gia tăng dân số có chiều hướng giảm
- B. Gia tăng dân số thấp, quy mô dân số giảm mạnh.
- C. Gia tăng dân số và quy mô dân số đều giảm.
- D. Dân số tăng nhanh, gia tăng dân số rất cao.

Câu 15: Sự phân hoá của thiên nhiên nước ta theo chiều Bắc – Nam là do

- A. ảnh hưởng của dãy Trường Sơn.
- B. sự đa dạng của địa hình.
- C. gió mùa kết hợp với lãnh thổ trải dài trên nhiều vĩ tuyến.
- D. hoạt động của Tín phong.

PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu 1: Cho bảng số liệu:

SỐ LƯỢNG ĐÔ THỊ VÀ SỐ DÂN ĐÔ THỊ THEO VÙNG CỦA NƯỚC TA NĂM 2021

Vùng	Số lượng đô thị (đô thị)	Số dân đô thị (triệu người)
Trung du và miền núi Bắc Bộ	158	2,7
Đồng bằng sông Hồng	140	8,7
Bắc Trung Bộ và Duyên Hải Nam Trung Bộ	181	6,7
Tây Nguyên	60	1,7
Đông Nam Bộ	56	12,2
Đồng bằng sông Cửu Long	154	4,6
Cả nước	749	36,6

(Nguồn: Niên giám thống kê năm 2022)

Dựa vào bảng số liệu trên, chọn đúng hoặc sai cho mỗi ý a), b), c), d) sau đây

- a) Mạng lưới đô thị phân bố không đều.
- b) Vùng có kinh tế phát triển nhất có nhiều đô thị nhất.
- c) Số dân đô thị của các vùng khá đồng đều.
- d) Tỷ lệ dân thành thị ở nước ta có sự chênh lệch giữa các vùng.

Câu 2: Cho thông tin sau: “Việt Nam nằm gần trung tâm khu vực Đông Nam Á. Trên đất liền, điểm cực Bắc nước ta ở $23^{\circ}23'B$, cực Nam ở $8^{\circ}34'B$, cực Tây ở $102^{\circ}09'D$ và cực Đông ở $109^{\circ}28'D$. Vùng biển nước ta kéo dài tới khoảng vĩ độ $6^{\circ}50'B$ và từ kinh độ $101^{\circ}Đ$ đến khoảng kinh độ $117^{\circ}Đ$ ”.

Đọc đoạn thông tin trên, chọn đúng hoặc sai cho mỗi ý a), b), c), d) sau đây

- a) Lãnh thổ phần đất liền nước ta kéo dài khoảng 15 vĩ độ.
- b) Nước ta nằm hoàn toàn trong vùng nội chí tuyến bán cầu Bắc.
- c) Nhờ vị trí địa lí nên nước ta ít chịu ảnh hưởng của thiên tai và biến đổi khí hậu.
- d) Nước ta thường xuyên chịu ảnh hưởng của gió mùa châu Á và Tín phong.

Câu 3: Cho bảng số liệu:

SỐ DÂN VÀ TỈ LỆ GIA TĂNG DÂN SỐ TỰ NHIÊN CỦA NƯỚC TA GIAI ĐOẠN 1960 – 2021

Năm	1960	1979	1999	2009	2014	2021
Tiêu chí						
Số dân (triệu người)	30,2	52,5	76,3	86,0	90,7	98,5
Tỉ lệ gia tăng dân số tự nhiên(%)	3,93	2,53	1,43	1,06	1,08	0,9

(Nguồn: Kết quả tổng điều tra dân số và nhà ở; Niên giám thống kê năm 2022)

Dựa vào bảng số liệu trên, chọn đúng hoặc sai cho mỗi ý a), b), c), d) sau đây

- a) Quy mô dân số nước ta ổn định.
- b) Quy mô dân số nước ta lớn.
- c) Từ năm 1999 đến năm 2021 tốc độ tăng dân số ngày càng nhanh, dẫn tới hiện tượng bùng nổ dân số.
- d) Biểu đồ kết hợp là dạng biểu đồ thích hợp nhất thể hiện số dân và tỉ lệ gia tăng dân số tự nhiên của nước ta giai đoạn 1960 – 2021.

Câu 4: Cho thông tin sau: “*Từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau, miền Bắc nước ta chịu tác động của gió mùa Đông Bắc. Nửa đầu mùa đông, miền Bắc có thời tiết lạnh khô, nửa sau mùa đông có thời tiết lạnh ẩm, có mưa phùn ở vùng ven biển và các đồng bằng ở Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ. Từ 16°B trở vào Nam, khối khí lạnh đã bị suy yếu nên Tín phong bán cầu Bắc chiếm ưu thế.*”

Đọc đoạn thông tin trên, chọn đúng hoặc sai cho mỗi ý **a), b), c), d)** sau đây

- a) Hoạt động của gió mùa Đông Bắc đã làm cho miền Bắc có một mùa đông lạnh.
- b) Gió mùa Đông Bắc bị biến tính khi đi qua biển nên gây mưa phùn vào cuối mùa đông ở vùng ven biển và các đồng bằng ở Bắc Bộ, Bắc Trung Bộ.
- c) Tín phong bán cầu Bắc là nguyên nhân chính tạo nên mùa khô ở Nam Bộ và Tây Nguyên.
- d) Gió mùa Đông Bắc là nguyên nhân tạo nên mùa khô cho cả nước.

PHẦN III. Câu trắc nghiệm trả lời ngắn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 6.

Câu 1: Năm 2021, diện tích đất tự nhiên của nước ta là 33 134,5 nghìn ha, số dân là 98,5 triệu người. Hãy cho biết mật độ dân số của nước ta năm 2021 là bao nhiêu người/km² (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị).

Câu 2: Năm 2021, diện tích đất tự nhiên của nước ta là 33 134,5 nghìn ha; diện tích rừng là 14,7 triệu ha. Cho biết tỉ lệ che phủ rừng của nước ta năm 2021 là bao nhiêu phần trăm (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị).

Câu 3: Biết năm 2021 ở nước ta có số dân thành thị là 36,6 triệu người, tỉ lệ dân thành thị là 37,1 %. Cho biết số dân của nước ta năm 2021 là bao nhiêu triệu người (làm tròn kết quả đến một chữ số của phần thập phân).

Câu 4: Năm 2020, tỉ suất sinh thô của Việt Nam là 16,3 ‰ và tỉ suất tử thô là 6,06 ‰. Cho biết tỉ suất gia tăng dân số tự nhiên của nước ta năm 2020 là bao nhiêu phần trăm (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị).

Câu 5: Cho bảng số liệu: Nhiệt độ trung bình các tháng trong năm 2022 tại Vinh (đơn vị: °C)

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Nhiệt độ	19,5	16,3	23,1	24,3	27,4	31,4	30,1	29,0	27,9	24,8	24,7	18,0

(Nguồn: Niên giám thống kê VN 2022)

Căn cứ vào bảng số liệu, cho biết biên độ nhiệt độ năm tại Vinh năm 2022 là bao nhiêu °C (làm tròn kết quả đến một chữ số của phần thập phân).

Câu 6: Tại độ cao 500 m của Phan-xi-păng có nhiệt độ là 20 °C, cùng thời điểm và cùng sườn núi đón gió nhiệt độ ở độ cao 3 000 m là bao nhiêu °C? (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị).

----- **HẾT** -----

- Thí sinh không được sử dụng tài liệu;
- Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.

Câu\Mã đề	101	102	103	104
1	D	D	D	D
2	D	A	D	D
3	B	C	B	C
4	C	C	D	C
5	D	A	D	C
6	D	D	B	B
7	D	B	C	B
8	A	A	B	D
9	D	D	C	C
10	B	A	A	B
11	A	D	D	D
12	A	D	D	D
13	C	C	A	B
14	A	A	B	D
15	C	C	C	A
16	DDSD	DSSD	DDDS	DDDS
17	DSSD	DDSD	SDSD	SDSD
18	DDDS	SDSD	DSSD	DSSD
19	SDSD	DDDS	DDSD	DDSD
20	297	297	297	5
21	44	44	5	297
22	15,1	98,7	98,7	98,7
23	1	1	1	1
24	98,7	15,1	15,1	15,1
25	5	5	44	44